

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **290/2023/DS-PT**

Ngày: 05-9-2023.

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bằng.

*Các Thẩm phán:* Ông Y Phi Kbuôr

Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thê - Chức vụ: Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:*** bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2023/TLPT-DS ngày 10/7/2023 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 228/2023/QĐ-PT ngày 01/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 194a/2023/QĐ-PT ngày 15/8/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị C (tên thường gọi: D), sinh năm 1966, địa chỉ: 273 K, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Dương Công N, sinh năm 1965 và bà Vũ Thị P, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: Buôn E, thị trấn T, huyện A, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà P:* Ông Dương Công N, sinh năm 1965; (văn bản ủy quyền đề ngày 21/02/2023) địa chỉ: Buôn E, thị trấn T, huyện A, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông N, bà P:* Ông Nguyễn Tăng H, sinh năm 1991; (văn bản ủy quyền đề ngày 10/8/2023) địa chỉ: Số 109 đường N, thị trấn T, huyện A, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1959, địa chỉ: 273 K, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Bà Đinh Thị C (tên thường gọi: D), sinh năm 1966, (văn bản ủy quyền đề ngày 23/3/2023) địa chỉ: 273 K, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.*

4. *Người kháng cáo: Bị đơn ông Dương Công N, sinh năm 1965 và bà Vũ Thị P, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: Buôn E, thị trấn T, huyện A, tỉnh Đắk Lắk*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Đinh Thị C trình bày có nội dung:*

Bà Đinh Thị C tên thật của trong giấy tờ tùy thân là Đinh Thị C, tên thường gọi ở nhà là D, tên D được mọi người thường gọi trong giao tiếp, mua bán với nhau.

Bà là chủ đại lý phân bón ĐH, địa chỉ tại số 273 đường K, phường X, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, bà mở đại lý kinh doanh phân bón từ năm 1990. Trong quá trình mua bán, từ năm 2008 đến 2011 vợ chồng ông Dương Công N, bà Vũ Thị P, trú tại buôn E, thị trấn T, huyện A, tỉnh Đắk Lắk có giao dịch mua bán phân bón với đại lý của bà nhiều lần, mặt hàng mua bán là phân bón các loại, phương thức mua bán gởi đầu (nhận phân trả tiền, nếu trả không đủ tiền sẽ ghi vào sổ và bên mua ký xác nhận nợ), khi mua bán không có lập hợp đồng mà chỉ mở sổ theo dõi nhận hàng, thanh toán và ký nhận. Trong thời gian mua bán phân bón với vợ chồng ông N, bà P bà dùng tên thường gọi là D hoặc đại lý ĐH để xưng hô trong giao tiếp với vợ chồng ông N, bà P. Trước khi hai bên giao dịch mua bán phân bón với nhau, ông N, bà P có đưa cho bà 01 hợp đồng liên kết sản xuất cà phê giữa ông N với Công ty cà phê A để làm tin (bản gốc). Quá trình mua bán, tất cả các đợt mua bán được xác nhận nợ trong 01 cuốn sổ. Hai bên chấm dứt giao dịch mua bán vào ngày 20/5/2011 và chốt lại nợ thì ông N, bà P còn nợ bà số tiền 226.360.000 đồng. Sau khi chốt nợ, bà đòi nợ nhiều lần nhưng ông N, bà P không trả nợ. Ngày 07/02/2013 vợ chồng bà có vào nhà ông N, bà P để đòi nợ, tại nhà ông N, ông N trực tiếp viết giấy nhận nợ vào sổ nợ và hẹn thời hạn trả nợ với nội dung: Thừa nhận còn nợ bà số tiền trên, hẹn trả vào ngày 30/4/2013 trả một số nợ, số còn lại hẹn đến 30/10/2013 sẽ trả dứt điểm, nếu trả đúng hạn thì không tính lãi, trả không đúng hạn sẽ chịu lãi suất theo ngân hàng. Ông N là người viết giấy, bà P và ông N ký xác nhận nợ.

Sau đó, ông N, bà P trả không đúng hạn như cam kết trong giấy nhận nợ ngày 07/02/2013 mà mới trả được một số lần, cụ thể:

- Ngày 30/7/2013 trả 30.000.000 đồng, ông N trực tiếp trả, Võ Đình Huy là con của bà trực tiếp nhận thay và ghi vào sổ nợ.

- Ngày 23/01/2014 trả 40.000.000 đồng, bà P là người trực tiếp trả và ghi vào sổ nợ.

- Ngày 05/5/2015, bà vào đòi nợ, nhưng ông N, bà P không có tiền trả, bà P trực tiếp ghi vào sổ xác nhận còn nợ lại số tiền 156.000.000 đồng.

- Ngày 20/11/2015 trả 30.000.000 đồng, bà P là người trực tiếp trả và tự tay ghi vào sổ nợ của bà “P N trả chị D 30.000.000 đồng” và ký nhận.

- Ngày 20/4/2018 trả 30.000.000 đồng, ông N là người trực tiếp trả và ghi vào sổ nợ của bà là trả 30.000.000 đồng.

- Ngày 08/02/2021 do tình hình dịch bệnh Covid nên bà có gọi điện đòi nợ, thì ông N trực tiếp chuyển vào số tài khoản của bà là 100000550337 mở tại Ngân hàng Vietinbank tên chủ tài khoản là Đinh Thị C số tiền 10.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền ông N, bà P đã trả là 140.000.000 đồng.

Bà C khẳng định bà là người trực tiếp mua bán phân bón với ông N, bà P, tất cả các chứng từ mua bán phân bón có liên quan đến ông N, bà P đã cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Dương Công N, bà Vũ Thị P phải trả cho vợ chồng bà số nợ gốc còn lại là 86.360.000 đồng và tính lãi suất chậm trả kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 01/11/2013 cho đến nay theo quy định của pháp luật.

*\* Tại bản tự khai ngày 16/11/2022 và tại biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2023 và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Dương Công N trình bày có nội dung:* Ông là Dương Công N, bà Vũ Thị P là vợ của ông. Đối với nội dung khởi kiện của bà Đinh Thị C, ông khẳng định vợ chồng ông không có giao dịch mua bán phân bón gì với bà Đinh Thị C, không có giao dịch dân sự gì với người có tên là Đinh Thị C nên không có nghĩa vụ làm việc hay trả nợ gì với người có tên trên. Ông thừa nhận chữ ký và chữ viết “Dương Công N” và “Vũ Thị P” trong các chứng từ mà bà Đinh Thị C gửi cho Tòa án là chữ ký và chữ viết của vợ chồng ông, nhưng biết đâu bà C lấy ở đâu đó để kiện vợ chồng ông, đối với những chứng từ này, vào thời điểm đó ông bà mua bán phân với rất nhiều người, do thời gian đã lâu nên ông không xác định được những chứng từ này mua bán với ai. Ông không trình bày gì thêm.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 428, 438, khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị C (tên thường gọi: D).

1. Buộc ông Dương Công N, bà Vũ Thị P phải trả cho bà Đinh Thị C (D), ông Võ Văn Đ số tiền 185.694.140<sup>d</sup> (*một trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi đồng*). Trong đó: Tiền gốc là 86.360.000 đồng; tiền lãi là 99.334.140 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Bà Đinh Thị C có nghĩa vụ trả lại cho ông Dương Công N, bà Vũ Thị P 01 hợp đồng liên kết sản xuất cà phê giữa ông Dương Công N và Công ty cà phê A.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/6/2023, bị đơn ông Dương Công N và bà Vũ Thị P có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm cho rằng:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát phân tích, đánh giá và cho rằng kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo bị đơn ông Dương Công N và bà Vũ Thị P, giữ nguyên toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Dương Công N và bà Vũ Thị P làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của ông Dương Công N và bà Vũ Thị P cho rằng không biết bà C là ai, không có quan hệ mua bán với bà C, thấy rằng: Tại biên bản xác minh ngày 18/5/2023 đại diện Tổ dân phố 9, phường X, thành phố B xác định bà Đinh Thị C có tên thường gọi là D; đồng thời bà C (tên thường gọi là D) đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gốc là sổ ghi nợ, 01 hợp đồng liên kết sản xuất cà phê giữa ông Dương Công N và Công ty cà phê A và được ông N xác nhận đúng chữ ký của vợ chồng ông. Ngoài ra, tại bản sao kê chi tiết giao dịch (bút lục 31) thể hiện ngày 08/02/2021 ông Dương Công N chuyển số tiền 10 triệu đồng đến tài khoản ngân hàng mang tên bà Đinh Thị C để trả nợ và một số giao dịch chuyển tiền khác đến tài khoản ngân hàng của bà Đinh Thị C trong ngày 08/02/2021 cũng có nội dung: “P ct co D”. Như vậy, có cơ sở khẳng định bà Đinh Thị C có tên thường gọi là D là đúng sự thật. Do đó ông N cho rằng không quen biết bà C và cho rằng bà C nhận được sổ nợ và khởi kiện vợ chồng ông là không có căn cứ.

[2.2]. Xét nội dung kháng cáo về việc không đồng ý số nợ của bị đơn ông Dương Công N và bà Vũ Thị P, thấy rằng: Giữa nguyên đơn bà Đinh Thị C và bị đơn ông N, bà P có quan hệ mua bán với nhau. Sau đó hai bên thống nhất chốt số tiền 226.360.000 đồng vào ngày 20/5/2011 (bút lục số 33). Thời hạn trả chậm nhất là đến ngày 30/11/2011. Quá trình từ khi chốt nợ cho đến khi xét xử sơ thẩm, ông N, bà P đã trả được 6 lần, tổng số tiền 140.000.000 đồng. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có sự việc trên. Ông N cho rằng đã trả đủ số nợ cho bà D nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên không có căn cứ để xem xét.

[2.3] Đối với tài liệu là 01 hợp đồng liên kết sản xuất cà phê giữa ông Dương Công N và Công ty cà phê A do bà Đinh Thị C cung cấp, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Bà Đinh Thị C có nghĩa vụ trả lại cho ông Dương Công N, bà Vũ Thị P 01 hợp đồng liên kết sản xuất cà phê giữa ông Dương Công N và Công ty cà phê A, nhưng vẫn lưu bản chính trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã giao bản chính tài liệu trên cho bà C để đảm bảo công tác thi hành án là phù hợp.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, kháng cáo của bị đơn ông Dương Công N và bà Vũ Thị P là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Dương Công N và bà Vũ Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 428, 438, khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26; Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Dương Công N và bà Vũ Thị P. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị C (tên thường gọi: D).

2. Buộc ông Dương Công N, bà Vũ Thị P phải trả cho bà Đinh Thị C (D), ông Võ Văn Đ số tiền 185.694.140<sup>d</sup> (*một trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi đồng*). Trong đó: Tiền gốc là 86.360.000 đồng; tiền lãi là 99.334.140 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Bà Đinh Thị C có nghĩa vụ trả lại cho ông Dương Công N, bà Vũ Thị P 01 hợp đồng liên kết sản xuất cà phê giữa ông Dương Công N và Công ty cà phê A, tỉnh Đắk Lắk (bản chính).

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Công N, bà Vũ Thị P phải chịu 9.284.707 đồng (*chín triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Đinh Thị C số tiền tạm ứng án phí 3.409.000<sup>d</sup> (*ba triệu bốn trăm lẻ chín nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0015171 ngày 20/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A, Đắk Lắk.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Dương Công N, bà Vũ Thị P, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà mỗi người đã nộp theo các biên lai lần lượt số 0015508 ngày 20/6/2023 và số 0015536 ngày 05/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Bằng**